

Số: **508/2021/QĐST-HNGĐ**

*Thành phố Huế, ngày 20 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 447/2021/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 28 đường L, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trần Thị N, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 6/18 kiệt 289 đường B, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2011 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, anh H và chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên anh H và chị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H và chị N xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thế D, sinh ngày 19/10/2001, Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 16/9/1999 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/12/2006. Hai bên thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/12/2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

Đối với cháu Nguyễn Thế D và cháu Nguyễn Thị Ngọc T đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của các cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000551 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 10 tháng 12 năm 2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/12/2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

Đối với cháu Nguyễn Thế D và cháu Nguyễn Thị Ngọc T đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của các cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000551 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP Huế;
- UBND phường Phường Đúc, Tp Huế;
- (ĐKKH số 75 ngày 18/10/2011)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Huế**